

Bản án số: 31/2024/HN&GD-ST

Ngày: 09/7/2024

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Đỗ Thị Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đồng Thị Mỹ và ông Phạm Văn Chi

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Ngày 09/7/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 89/2024/TLST-HN&GD ngày 12/4/2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXX-ST ngày 05/6/2024, Quyết định hoãn phiên toà số 26/2024/QĐST-HN&GD ngày 21/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H – sinh năm 2001

ĐKHKTT: Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Trú tại: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương

Bị đơn: Anh Trần Văn X – sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Chị H, anh X đều vắng mặt. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn X kết hôn năm 2019 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không

hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh X thường xuyên chơi bời, nợ nần bên ngoài. Chị cũng thỉnh thoảng phải trả nợ cho anh X và khuyên bảo anh X nhưng anh X vẫn chứng nào tật ấy, không chịu thay đổi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh chửi, xúc phạm nhau. Vì cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên cuối năm 2023 chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã B ở từ đó cho tới nay, không còn ai quan tâm tới ai nữa. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên khuyên bảo, hoà giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng vẫn sống ly thân nhau, không còn quan tâm tới nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Chị đề nghị được ly hôn với anh X. Trước khi nộp đơn đến Toà án, chị cũng đã nói chuyện với anh X thì anh X có nói với chị muốn làm gì thì làm tùy chị, anh ấy cũng không níu kéo nữa.

Về con chung: Chị và anh X có 02 con chung: Trần Khánh H1 – sinh ngày 21/3/2017 và Trần Minh K – sinh ngày 24/8/2021. Hiện tại cả hai con chung đang ở với anh X vì khi chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở thì anh X không cho chị đón con về nhưng chị vẫn thường xuyên đến thăm các con. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh K vì cháu chưa đủ 36 tháng tuổi, còn cháu Trần Khánh H1 chị tự nguyện giao cho anh X tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện tại chị làm công việc tự do bán hàng quần áo, thu nhập từ 8.000.000đ – 9.000.000đ, bố mẹ chị luôn tạo điều kiện tốt nhất để chị nuôi con. Chị được biết anh X có đi làm công ty, còn cụ thể công ty nào thì chị không biết. Hiện tại cháu H1 đang học lớp 1 trường tiểu học xã K, cuộc sống hiện tại của cháu H1 vẫn tốt. Vì mỗi người nuôi một con chung nên chị tự nguyện không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh X không có tài sản chung, nợ chung nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh X và tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh X, anh X có đến Tòa án làm việc nhưng tự ý bỏ về không trình bày quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải.

Tại biên bản ghi lời khai ông Trần Văn D là bố đẻ của anh X trình bày: Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh X có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra vợ chồng cũng không bảo ban được nhau trong việc xây dựng kinh tế gia đình. Anh X chơi chứng khoán thu lỗ, chị H buôn bán không thuận lợi nên vợ chồng thường xuyên xả ra cãi nhau, lời qua tiếng lại. Do mâu thuẫn xảy ra nên chị H đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 12/2023 âm lịch cho đến nay. Gia đình ông và anh X có đến gia đình chị H để hoà giải, khuyên bảo chị H quay về đoàn tụ nhưng không được. Hiện tại hai con chung đang ở với anh X. Nếu anh X được nuôi con thì ông đồng

ý giúp đỡ anh X trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Tại biên bản ghi lời khai bà Trần Thị T là bác ruột của anh X trình bày: Bà sinh sống gần nhà của anh X. Sau khi kết hôn với chị Bùi Thị H thì anh chị về chung sống với nhau tại thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh X có mãi chơi dẫn đến phá kinh tế gia đình, do vậy vợ chồng không có hạnh phúc nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ để ở xã B ở từ cuối năm 2023 cho tới nay. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng chị H vẫn không quay về chung sống cùng anh X nữa.

Tại biên bản ghi lời khai của ông Bùi Văn Đ là bố đẻ chị H trình bày: Trong quá trình chung sống giữa chị H và anh X có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh X thường xuyên chơi bời, không chịu làm. Chị H đã phải bỏ về nhà ông ở từ cuối năm 2023 cho tới nay. Ông mong Toà án sớm giải quyết ly hôn cho chị H để chị H ổn định cuộc sống. Nếu chị H được nuôi con thì ông luôn tạo điều kiện tốt nhất về chỗ ở, sinh hoạt cuộc sống cho mẹ con chị H. Chị H hiện tại có công việc và thu nhập ổn định, nếu chị H được nuôi con thì sẽ đảm bảo việc chăm sóc con chung.

Tại biên bản ghi lời khai cháu Trần Khánh HI trình bày: Cháu là con của bố Trần Văn X và mẹ Bùi Thị H. Cháu không muốn bố mẹ ly hôn, nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với bố là Trần Văn X.

Tại biên bản xác minh tại thôn Q, UBND xã K xác định: Chị Bùi Thị H và anh Trần Văn X kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau và có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra vợ chồng không thống nhất trong việc xây dựng kinh tế gia đình đã dẫn đến phải vay nợ, làm kinh tế gia đình sa sút. Do mâu thuẫn xảy ra nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở B sinh sống kể từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay, không thấy quay về chung sống cùng anh X nữa.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn xin xử vắng mặt, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh X và các quan điểm đã trình bày. Anh X đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Áp dụng điều 39 của Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.,

X1: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Bùi Thị H.** Xử cho chị **Bùi Thị H** ly hôn anh **Trần Văn X.** Về con chung: Giao con chung **Trần Khánh H1** – sinh ngày 21/3/2017 cho anh **Trần Văn X,** giao con chung **Trần Minh K** - sinh ngày 24/8/2021 cho chị **Bùi Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **H** đều không yêu cầu anh **X** phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị **H,** anh **X** được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **H** tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị **Bùi Thị H** yêu cầu xin ly hôn anh **Trần Văn X** và giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung. Bị đơn anh **X** hiện đang cư trú tại **xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng : Anh **Trần Văn X** được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị **H** vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh **X,** chị **H.**

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Bùi Thị H** và anh **Trần Văn X** kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương** là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị **H** thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **H,** anh **X** do trong quá trình chung sống, vợ chồng hay cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống và trong xây dựng kinh tế gia đình, vợ chồng không còn sự tin tưởng, yêu thương và tôn trọng nhau, anh **X** ham chơi, không quan tâm gì đến gia đình. Chị **H** đã bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống từ cuối năm 2023 và vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay, không còn ai quan tâm tới ai nữa. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có triệu tập anh **X** đến để trình bày quan điểm, anh **X** có đến Tòa án làm việc một lần nhưng sau đó tự ý bỏ về, không hợp tác làm việc, không trình bày quan điểm với Tòa án và không có mặt để Tòa án hòa giải; thể hiện việc anh **X** bỏ mặc cho quan hệ hôn nhân đổ

vỡ. Chị H vẫn kiên quyết đề nghị xin ly hôn với anh X. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị H xin ly hôn anh Trần Văn X là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H và anh X có 02 con chung: Trần Khánh H1 – sinh ngày 21/3/2017 và Trần Minh K – sinh ngày 24/8/2021. Chị H có nguyện vọng được nuôi con chung Trần Minh K và không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con, chị tự nguyện giao con chung Trần Khánh H1 cho anh X tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy hiện cả 2 con chung đang ở với anh X là do khi vợ chồng sống ly thân anh X không cho chị H đón con nhưng chị H vẫn thường xuyên đến thăm và chu cấp cho con. Đối với con chung Trần Minh K còn nhỏ đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi, chị H có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị có công việc và thu nhập ổn định, gia đình chị H luôn tạo điều kiện tốt nhất để chị nuôi con. Đối với con chung Trần Khánh H1 hiện tại trên 7 tuổi, đang ở cùng anh X và cháu có nguyện vọng được ở với anh X, gia đình anh X cũng tạo điều kiện nếu anh X được nuôi con. Do vậy để đảm bảo sự ổn định, không bị xáo trộn về tâm sinh lý và cuộc sống của các con chung nên cần giao con chung Trần Minh K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao con chung Trần Khánh H1 cho anh Trần Văn X tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do giao mỗi người nuôi một con chung nên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, anh X không trình bày quan điểm. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết. Sau này nếu anh X có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị H có khởi đơn xin ly hôn nên chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Bùi Thị H** được ly hôn anh **Trần Văn X**.
2. Về con chung: Giao con chung **Trần Khánh H1** – sinh ngày 21/3/2017 cho anh **Trần Văn X** tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc; giao con chung: **Trần Minh K** – sinh ngày 24/8/2021 cho chị **Bùi Thị H** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị **H** và anh **X** đều không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Bùi Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai ký hiệu: BLTU/23 số: 0001975 ngày 12 tháng 4 năm 2024.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị **H**, anh **X**. Chị **H**, anh **X** được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Ủy ban nhân dân xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh

